開 發 信 用 狀 申 請 暨 合 約 書

APPLICATION AND CREDIT EXTENSION AGREEMENT IN L/C ISSUANCE OPERATION

ĐƠN KIÊM THỎA THUẬN CẤP TÍN DỤNG TRONG NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG

Date:
Ngày:

TO: MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK COMPANY LIMITED - HO CHI MINH CITY BRANCH
(Hereby called as "the BANK") at the address: No.5B Ton Duc Thang Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City
Business Registration Certificate No. 0301470104 issued on May 25, 1996 and 9th amendment dated June 14, 2023

KÍNH GỬI: NGÂN HÀNG MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK CO., LTD – CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH
(theo đây gọi là "Ngân hàng"), địa chỉ tại 5B Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, TP. HCM
Giấy Chứng Nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301470104 được cấp ngày 25/05/1996; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/06/2023.

A. APPLICATION FOR ISSUANCE OF THE L/C (hereby called as 'APPLICATION'):

Đơn xin phát hành Thư tín dụng (theo đây gọi là 'ĐƠN'):

Dear Sirs :
Kính gửi:

I/We, the Applicant, hereby bind myself/ourselves to the terms on this Application and Credit Extension Agreement in L/C issuance operation and request you to open an (*40A) irrevocable letter of credit (L/C) as per Commercial contract No. …… dated ……. with the details as follows:

*Tôi/chúng tôi, Bên đề nghị, bằng văn bản này, cam kết thực hiện theo các điều khoản ghi trên Đơn kiêm thỏa thuận cấp tín dụng trong nghiệp vụ phát hành thư tín dụng này và đề nghị Ngân hàng mở (*40A) Thư tín dụng không hủy ngang (L/C) theo Hợp đồng thương mại số ..... ngày..... của Ngân hàng với chi tiết như sau:*

(*20)L/C No._____ **(31C) Date :** _____
Số L/C *Ngày*

(40E) Applicable Rules: UCP latest version
Quy tắc áp dụng: Quy tắc thống nhất việc thực hành Thư tín dụng phiên bản mới nhất

L/C to be issued as marked "X"
L/C được phát hành theo những mục có đánh dấu "X"

Type of L/C/ *Loại L/C:*
□ **Irrevocable L/C**/*Thư tín dụng không thể hủy ngang* □ **Confirmed L/C/T***hư tín dụng có xác nhận*
□ **Transferable L/C**/*Thư tín dụng chuyển nhượng* □ **Other**/*Khác*

□ **AIRMAIL** *Thư hàng không* □ **BRIEF CABLE** *Điện báo ngắn* □ **FULL CABLE** *Điện báo đầy đủ*	**(31D) Expiry Date:** *Ngày hết hạn:* **Place of expiry:** *Nơi hết hạn:*
Advising Bank (由本行填列)/*Ngân hàng thông báo:*	**(* 50) Applicant** (進口商名稱及地址) / *Người đề nghị:*
(* 32B) Currency and Amount (幣別與大小寫金額均列) *Loại tiền tệ và số tiền* **(39A) Tolerance:** *Dung sai:* **(39B) Maximum credit amount:** *Trị giá tối đa của thư tín dụng:*	**(*59) Beneficiary** (出口商名稱及地址) / *Người thụ hưởng:*

We hereby issue in your favor of this documentary credit which is available.

(*41D) with/*tại* ☐ **ANY BANK**/*bất kỳ ngân hàng nào* ☐ **Advising Bank**/*Ngân hàng thông báo* ☐ _____

By/*để* ☐ **negotiation**/*thương lượng* ☐ **payment**/*thanh toán* ☐ **deferred payment**/*thanh toán chậm* ☐ **acceptance of**/*chấp nhận*

(42C) draft at ☐ **sight /**☐**____ days after** ☐ **sight/** ☐ **B/L date for 100% of invoice value drawn on ICBCVNVX**

Hối phiếu ☐ *trả ngay/____ ngày* ☐ *sau khi nhìn thấy/*☐ *sau ngày vận đơn yên cầu ICBCVNVX thanh toán 100% giá trị hoá đơn*

against the following conditions and documents required:

dựa và những điều kiện và những chứng từ yêu cầu dưới đây:

(43P) Partial Shipment/*Giao hàng từng phần* ☐ **Allowed**/*Cho phép* ☐ **Prohibited**/*Không cho phép*

(43T) Transhipments/*Chuyển tải* ☐ **Allowed**/*Cho phép* ☐ **Prohibited**/*Không cho phép*

(如為聯合運送或貨櫃運輸請勿禁止轉運)

(44A) Place of taking in charge/ Dispatch from/Place of receipt:

Địa điểm xếp hàng/Vận chuyển từ/Nơi nhận hàng:

(44E) Port of loading / Airport of departure:

Cảng bốc hàng / Cảng khởi hành:

(44F) Port of Discharge / Airport of destination:

Cảng dở hàng / Cảng đến:

(44B) Place of Final destination/For transportation to/ Place of delivery:

Nơi đến cuối cùng/Vận chuyển đến/Nơi giao hàng:

(44C) Latest date of shipment:

Ngày giao hàng cuối cùng:

(45A) Evidencing Shipment of (goods)/*Thông tin hàng hoá:*

Price Terms : ☐ **FOB/FCA** ☐ **CFR/CPT** ☐ **CIF/CIP** ☐ **EXW** ☐ **FAS** ☐ **DDU**

Điều khoản về giá: ☐ FOB/FCA ☐ CFR/CPT ☐ CIF/CIP ☐ EXW ☐ FAS ☐ DDU

Place of term/*Địa điểm giao hàng:* _____

(46A) Documents Required/*Chứng từ yêu cầu:*

1. Commercial Invoice ☐ in duplicate ☐ in triplicate ☐ in quadruplicate ☐ _____
   manually signed, indicating number of this Credit.
2. ☐ Full set/ ☐ 2/3 originals / ☐ Copy of "Clean-On-Board"
   - ☐ Ocean Bill of Lading made out to order of /
   - ☐ Mutimodal or combined transport document made out to order of /
   - ☐ Charter party Bill of Lading made out to order of
     - ☐ Mega International Commercial Bank Co., Ltd Ho Chi Minh City Branch
     - ☐ Applicant ☐ Shipper and blank endorsed
     - ☐ _____
   - ☐ Clean Air Waybill consigned to /
   - ☐ Sea/air parcel post receipt addressed to
     - ☐ Mega International Commercial Bank Co., Ltd Ho Chi Minh City Branch
     - ☐ Applicant ☐ Shipper and blank endorsed
     - ☐ _____

   Marked " freight ☐ collect/ ☐ prepaid" ☐ payable as per charter party

   Notifying ☐ applicant with full address ☐_____
3. Packing List ☐ in duplicate ☐ in triplicate ☐ in quadruplicate ☐ _____
4. Insurance policy/certificate in duplicate issued by an insurance company endorsed in blank covering

☐ Institute Cargo Clauses (A)/(AIR) ☐ (B) ☐ (C) ☐ Institute War Clauses (Cargo)

☐ Institute Strikes Clauses (Cargo) ☐ Theft, Pilferage and Non-delivery

☐ Warehouse to warehouse clauses ☐ and _____

for full invoice value plus 10% indicating the appointed settling agent in VietNam.
Claim, if any, is payable in the same currency of this credit.

5. Beneficiary's certificate stating that

☐ original of B/L ☐ one copy and one complete set of non-negotiable documents have been sent directly to the applicant by ☐ registered airmail ☐ courier service ☐ fax (fax No.) ☐ email (email address:)
within _____days after the shipment is effected. (海運)

☐ one complete set of non-negotiable documents have accompanied the cargo to the destination (空運)

6. Others/*Chứng từ khác:*

(47A) Additional Conditions/*Điều kiện thêm:*

(71B) + All banking charge, including reimbursement charge, outside of issuing bank are for account of
Tất cả phí ngân hàng, bao gồm cả phí bồi hoàn, bên ngoài phạm vi quốc gia này được tính vào tài hoản của:

☐ **beneficiary** */ người thụ hưởng* ☐ **applicant**/*người đề nghị mở thư tín dụng*

(48) + Period for presentation in days:_____ days after **shipment date.**
Hối phiếu và chứng từ phải được xuất trình trong vòng _____ ngày sau ngày xuất hàng.

(*49) Confirmation Instructions : ☐ Without ☐ Confirm ☐May add

Chỉ thị xác nhận : ☐*không xác nhận* ☐ *xác nhận* ☐*có thể xác nhận*

(58) Requested confirming party: _____
*Ngân hàng xác nhận được yêu cầu:*_____

Confirming charges are for account of ☐ buyer's / ☐beneficiary's account

Phí xác nhận thu ☐ tài khoản người mua/ ☐ tài khoản người bán

☐ **This L/C issuance charges are for account of ☐ Beneficiary ☐ Applicant and Issuing Bank is authorised to debit our account to collect these charges/** *Phí phát hành L/C này được tính vào tài khoản ☐ người thụ hưởng ☐ người xin mở thư tín dụng và ngân hàng phát hành được uỷ quyền thu khoản phí này từ tài khoản của chúng tôi.*

☐ **Discount charges are for account of ☐ Beneficiary ☐ Applicant**

Phí chiết khấu được tính vào tài khoản ☐ bên thụ hưởng ☐ bên đề nghị mở thư tín dụng

☐ **Acceptance commission are for account of ☐ Beneficiary ☐ Applicant**

Phí chấp nhận chứng từ được tính vào tài khoản ☐ người thụ hưởng ☐ người đề nghị mở thư tín dụng

+ We commit to ensure the payment sources for this L/C as follows:
Chúng tôi cam kết bảo đảm nguồn thanh toán cho L/C như sau:

☐ **Margin deposit /***Ký quỹ :***……. % value of L/C** *(% trị giá của L/C)*

☐ **Loan/***Vay:* **……. % value of L/C** *(% trị giá của L/C)*

☐ **Self-balanced capital/***Vốn tự cân đối:* **……. % value of L/C** *(% trị giá của L/C)*

+ In case we are in the position of self-balanced capital shortage, on the payment due date, we agree to receive a mandatory loan at a rate equal to 150% of the loan rate as stipulated in the Credit Line Agreement No……..….signed on…….. to pay immediately for this L/C.

Trường hợp chúng tôi không đủ nguồn vốn tự cân đối cần thiết, vào ngày thanh toán, chúng tôi đồng ý xin nhận nợ vay bắt buộc với mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay thông thường như quy định tại Hợp đồng tín dụng có hạn mức số …….. ngày……..để thanh toán ngay cho L/C này.

+ In case our self-balanced capital partially or fully makes the L/C payment, we commit that we have adequate foreign currency to make payment right upon receipt of the notice of arrival of import documents from the Bank and that the Bank is authorized to automatically debit our account with the Bank to pay immediately for this L/C.

Trường hợp L/C được thanh toán một phần hoặc toàn bộ bằng nguồn vốn tự cân đối, chúng tôi cam kết có đủ nguồn ngoại tệ để thanh toán ngay khi nhận được thông báo chứng từ nhập khẩu đến của Ngân hàng, và Ngân hàng được ủy quyền khấu trừ tài khoản của chúng tôi để thanh toán ngay cho L/C này.

+ We expect to purchase foreign currency from you to pay for this L/C: ……. % value of L/C
Chúng tôi dự kiến mua ngoại tệ tại Ngân hàng để thanh toán cho L/C:…… % trị giá của L/C.

+The payment due date under this L/C/ *Ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng***:**
We commit to effect payment within 5 working days from the date the Bank receives fully complied import documents under this L/C from the Negotiating Bank.
Chúng tôi cam kết thực hiện thanh toán trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được chứng từ nhập khẩu theo L/C này từ Ngân hàng thương lượng chứng từ.

B. FACILITY_
B. CẤP TÍN DỤNG

Whereas, the Applicant has requested the Bank to allow the use of the credit facility as prescribed in Credit Line Agreement No.....….....signed on …..... for the amount of .....
.....
.....
(.....) to issue the letter of credit, and the Bank agreed to the Applicant's request.

Xét vì, Bên đề nghị đã yêu cầu Ngân hàng cho phép sử dụng hạn mức tín dụng theo quy định trong Hợp đồng tín dụng có hạn mức số ..... ký ngày ..... với số tiền là .....
.....
.....
(.....),để mở thư tín dụng, và Ngân hàng đồng ý yêu cầu của Bên đề nghị.

Accordingly, the credit extension period for this L/C issuance is calculated from the day following the issuance date of this L/C until the payment due date under this L/C.
Theo đó, thời hạn cấp tín dụng để mở L/C này được tính từ ngày tiếp theo ngày phát hành L/C cho đến ngày đến hạn thanh toán L/C.

When granting the credit for this L/C, The Bank request the Applicant to meet the following security measures to ensure credit extension: / *Khi cấp tín dụng cho L/C này, Ngân hàng yêu cầu Bên đề nghị phải thỏa được những biện pháp bảo đảm sau để bảo đảm cho khoản cấp tín dụng của Ngân hàng:*

❑ **Margin deposit/***Ký quỹ:*.....
Percentage of the margin /*Tỷ lệ ký quỹ:*.....
Margin amount /*Số tiền ký quỹ:*.....
Margin account/*TK ký quỹ:*.....

❑ **Security measures as per Credit line Agreement No. ..... signed on .....**
Biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức số..... ký ngày.....

❑ **Other Securities measures/***Biện pháp bảo đảm khác:*

Other terms related to the Credit line that are not mentioned in this Application and Credit Extension Agreement in L/C issuance operation will comply with the Credit Line Agreement No.....signed on…….....
Các điều khoản khác liên quan đến Hạn mức tín dụng chưa được đề cập tại Đơn kiêm Thỏa thuận cấp tín dụng trong nghiệp vụ phát hành thư tín dụng này sẽ tuân thủ theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức .....được ký ngày……..

THE APPLICANT/*BÊN ĐỀ NGHỊ*
……,Dated .....
……, ngày ..... tháng..... năm ……..
Authorised signature
Người có thẩm quyền duyệt hồ sơ

THE BANK/*BÊN NGÂN HÀNG*
Hochiminh City, Dated .....
TP.HCM, ngày ..... tháng..... năm ……..
Authorised signature
Người có thẩm quyền duyệt hồ sơ

For the Bank only/*Phần dành riêng cho Ngân hàng*

	VE	DE	Chief	Recheck	Clerk

約定事項

NỘI DUNG CAM KẾT

下面開發信用狀之申請，倘荷 貴行核准，申請人願遵守下列各條款：

Nếu đơn xin phát hành thư tín dụng được ngân hàng chấp thuận, người đề nghị phải tuân thủ những điều khoản sau:

1. 關於本信用狀下之匯票及(或)有關單據等，如經 貴行或 貴代理行認為在表面上尚屬無訛，申請人一經 貴行通知或提示匯票時，應立即贖單及付款或承兌並屆期照付。

Hối phiếu và các chứng từ liên quan đến thư tín dụng này nếu được ngân hàng hoặc ngân hàng đại lý xác nhận hợp lệ, Bên đề nghị khi được ngân hàng thông báo về việc ngân hàng đã nhận được hối phiếu và (hoặc) chứng từ hợp lệ phải lập tức chấp nhận chứng từ và thanh toán, hoặc chấp nhận thanh toán và thanh toán khi đến hạn.

2. 上項匯票或單據等事後縱經證實，其為非真實，或屬偽造，或有其他瑕疵，概與 貴行及 貴行之代理行無涉，其匯票或有關債務仍應由申請人照付。

Hối phiếu và chứng từ đề cập ở mục trên sau đó được xác minh là giả mạo hoặc có những bất hợp lệ khác, thì đều không liên quan đến ngân hàng và ngân hàng đại lý, Bên đề nghị phải thanh toán hối phiếu hoặc các khoản nợ liên quan đến thư tín dụng.

3. 本信用狀之傳遞錯誤、遲延或其解釋上之錯誤，及關於上述單據或單據所載貨物或貨物之品質或數量或價值等之全部或一部滅失、遲遞或未經抵達交貨地，以及貨物無論因在洋面、陸上運輸中，運抵後或因未經保險或保額不足或因承辦商或任何第三者之阻滯或扣留及其他因素等情事以致喪失或損害時，均由申請人承擔相關責任，與貴行或貴行之代理行無涉，該匯票仍應由申請人照付。

Các trường hợp phát sinh như đường truyền thư tín dụng bị lỗi, bị chậm trễ, nội dung thư tín dụng bị sai do lỗi truyền tải; hoặc toàn bộ hay một phần chứng từ nêu trên hoặc hàng hóa thể hiện trên chứng từ; hoặc chất lượng, số lượng hoặc trị giá của hàng hóa bị mất mát, giao trễ, không giao đến nơi; hoặc hàng hóa bị thất thoát, hư hỏng trong quá trình vận chuyển hay sau khi đến nơi nhưng chưa được bảo hiểm hoặc số tiền bảo hiểm không đủ hoặc hàng hóa bị giam giữ bởi một bên thứ ba hoặc bởi bất kỳ lý do nào khác, thì đều không liên quan đến ngân hàng và ngân hàng đại lý, Bên đề nghị vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán hối phiếu.

4. 上述匯票票款、與該匯票有關之債務，及申請人對 貴行不論其現已發生或日後發生，已到期或尚未到期之其他債務，在未全數清償以前，如 貴行為保障本身權益認為有必要，得不經通知，即就本信用狀項下所購(運)之貨物逕行處分，賣得價金扣除變賣費用後，應用以抵充申請人對 貴行之債務。申請人所有其他財產，例如存在 貴行及分支機構或 貴行所管轄範圍內之保證金、存款等，均任憑 貴行處分，用以清償票款及其他債務；上述債務之抵充順序由 貴行決定。

Đối với khoản thanh toán hối phiếu nêu trên, những khoản nợ có liên quan đến hối phiếu, và những khoản nợ khác mà Bên đề nghị phải trả cho ngân hàng hiện đang phát sinh hoặc sẽ phát sinh sau này, đã đến hạn hoặc chưa đến hạn, nếu chưa được thanh toán đầy đủ, nếu ngân hàng cho là cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình, thì ngân hàng được quyền tiến hành xử lý phát mãi hàng hóa được mua (vận chuyển) theo thư tín dụng này mà không cần phải thông báo, số tiền thu được từ phát mãi sau khi khấu trừ các khoản phí thủ tục phát mãi sẽ được dùng để trả các khoản nợ mà Bên đề nghị phải trả cho ngân hàng. Ngân hàng cũng được quyền sử dụng các khoản ký quỹ, tiền gửi của Bên đề nghị đang có tại ngân hàng hoặc tại các ngân hàng chi nhánh hoặc trong phạm vi quản lý của ngân hàng để thanh toán hối phiếu và các khoản nợ có liên quan, trình tự xử lý các khoản nợ nêu trên do ngân hàng tự quyết định.

5. 申請人並同意將本信用狀項下之貨物單據返還請求權及結匯保證金未用款項返還請求權，設定質權予 貴行，以擔保申請人依本申請書所負之一切債務。

Để đảm bảo trách nhiệm ràng buộc của Bên đề nghị với toàn bộ các khoản nợ theo đơn xin này, Bên đề nghị chấp nhận đồng ý thế chấp cho ngân hàng quyền yêu cầu hoàn trả các chứng từ hàng hóa theo thư tín dụng này và quyền yêu cầu hoàn trả số tiền ký quỹ để mở thư tín dụng nhưng chưa sử dụng hết.

6. 如上述匯票或其他債務屆期而申請人仍未全數清償， 貴行得不經通知，有權決定將上述財產(包括貨物在內)以公開或其他方式自由變賣或實行依前條設定之質權，其賣得價金扣除費用後抵充 貴行借墊各款，毋須另行通知申請人，且債務之抵充順序由 貴行決定。

Nếu Bên đề nghị không thể thanh toán toàn bộ khoản hối phiếu hoặc các khoản nợ đến hạn khác, ngân hàng được quyền quyết định tự do phát mãi tài sản nói trên (bao gồm cả hàng hóa) một cách công khai hoặc bằng hình thức khác hoặc thực hiện quyền của bên nhận thế chấp theo các điều khoản nêu trên, số tiền thu được từ phát mãi sau khi khấu trừ các khoản phí phát sinh sẽ được dùng để trả các khoản nợ mà Bên đề nghị phải trả cho ngân hàng, trình tự xử lý các khoản nợ nêu trên do ngân hàng tự quyết định mà không cần phải thông báo cho Bên đề nghị.

7. 本申請書內容確與有關當局所發給之輸入許可證內所載各項條件及細則或有關交易文件絕對相符，倘因申請人疏忽，致信用狀未能如期開發， 貴行概不負責， 貴行且有刪改本申請書內容，俾與輸入許可證所載者相符之權，此外，申請人應遵守國際商會最新修訂「信用狀統一慣例」之規定。

Nội dung thư tín dụng này hoàn toàn phù hợp với các điều kiện và quy định cụ thể trong giấy phép nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp và các hồ sơ giao dịch có liên quan. Nếu do sơ suất của Bên đề nghị mà thư tín dụng không được phát hành như dự kiến, ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm. Ngân hàng có quyền sửa đổi nội dung trên đơn xin này để phù hợp với nội dung trong giấy phép nhập khẩu. Ngoài ra, Bên đề nghị phải tuân thủ các qui định trong "Quy tắc thực hành thống nhất tín dụng chứng từ" phiên bản mới nhất của Hiệp hội thương mại quốc tế.

8. 本信用狀如經展期或重開及修改任何條件，申請人對於以上各款願絕對遵守，不因展期重開或條件之修改而發生異議；申請人並不得依修改後之條件要求退還已付 貴行之費用。

Nếu thư tín dụng được gia hạn hoặc phát hành lại và có sửa đổi bất kỳ điều kiện nào thì Bên đề nghị vẫn phải tuyệt đối tuân thủ các điều khoản quy định trên đơn xin, không vì gia hạn, phát hành lại hay sửa đổi mà làm phát sinh tranh cãi; Bên đề nghị cũng không được yêu cầu ngân hàng hoàn trả các khoản phí đã thanh toán cho các nội dung đã được sửa đổi.

9. 本申請書之申請人如為二人或二人以上時，對於本申請書所列各項條款自當共同負連帶責任，並負責向 貴行辦理一切結匯手續。

Nếu Bên đề nghị của đơn xin này là hai người hoặc hai người trở lên, thì tất cả đều cùng chịu trách nhiệm liên đới về các điều khoản quy định trên đơn này và cùng chịu trách nhiệm thực hiện mọi thủ tục thanh toán cho ngân hàng.

10. 本申請書並作為向 貴行動用購料借款之申請文件。

Đơn xin này cũng được dùng như một hồ sơ xin vay ngân hàng để mua nguyên vật liệu.

11. 如因本申請書涉訟時，以 貴行所在地方法院為管轄法院，並適用越南法律。

Nếu vì đơn xin này mà có xảy ra kiện tụng, tòa án sở tại nơi ngân hàng đang hoạt động kinh doanh sẽ là tòa án giải quyết tranh chấp, và áp dụng luật pháp Việt Nam.

12. 除另有約定外，本信用狀如有下列情形之一者，申請人同意 貴行毋須通知申請人或本信用狀交易所涉之何 人，即得拒絕、暫時或終止交易或業務關係，以遵循防制洗錢及打擊資助恐怖主義等相關法令規定:

Ngoại trừ được thỏa thuận riêng, nếu thư tín dụng này thuộc một trong những trường hợp sau, Bên đề nghị đồng ý rằng quý ngân hàng được từ chối, tạm ngưng hoặc chấm dứt giao dịch hoặc quan hệ nghiệp vụ mà không cần thông báo trước cho Bên đề nghị hoặc bất kỳ người nào liên quan đến thư tín dụng này nhằm tuân thủ các quy định pháp luật liên quan về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố:

1. 申請人或本信用狀交易所涉之任何人為聯合國、美國、歐盟、外國政府或國際組織公告、監管 或執行經濟或貿易制裁之對象或主體(下稱「受經濟制裁之人」)，或遭受經濟制裁之人擁有或控制，或與受經濟制裁之人有所關 連。

Bên đề nghị hoặc bất kỳ bên nào liên quan thư tín dụng này là đối tượng bị tổ chức Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, chính phủ nước ngoài hoặc Tổ chức quốc tế công bố, giám sát, hoặc áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế hoặc thương mại (sau đây gọi là "Bên bị trừng phạt kinh tế"), hoặc được sở hữu hoặc kiểm soát bởi Bên bị trừng phạt kinh tế, hoặc có liên kết với Bên bị trừng phạt kinh tế.

2. 申請人或本信用狀交易所涉之任何人為法務部、外國政府或國際洗錢防制組織認定或追查之恐怖分子或團體。

Bên đề nghị hoặc bất kỳ bên nào liên quan đến thư tín dụng này là phần tử hoặc tổ chức khủng bố được xác định hoặc điều tra bởi Bộ Công an, chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế.

3. 申請人或本信用狀交易所涉之任何人座落、設立或居住於遭聯合國、美國、歐盟、外國政府或國際組織經濟制裁，或其政府受經濟制裁之國家或領域。

Bên đề nghị hoặc bất kỳ bên nào liên quan đến thư tín dụng này tọa lạc, đăng ký hoặc cư trú tại quốc gia hoặc lãnh thổ, hoặc chính phủ của quốc gia, lãnh thổ đó bị tổ chức Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế.

4. 申請人不配合 貴行定期審視，或拒絕提供實際受益人、對客戶行使控制權之人及其他 貴行要求提供之必要資訊，或不願配合說明交易之性質、目的或資金來源。

Bên đề nghị không hợp tác với quý ngân hàng trong việc kiểm tra định kỳ, hoặc từ chối cung cấp thông tin người hưởng lợi thực sự, người có quyền kiểm soát đối với khách hàng và các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu cung cấp của quý ngân hàng, hoặc không phối hợp giải trình tính chất, mục đích giao dịch hoặc nguồn gốc tiền vốn.

13. 本申請書中、英文版本與越文版之內容不一致時，以中、英文版為準。

Trong đơn đề nghị này, nếu có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Việt, thì nội dung tiếng Trung, tiếng Anh được ưu tiên.

申請人名稱：

Tên Bên đề nghị:

統一編號：

Mã số kinh doanh số:

地址：

Địa chỉ:

電話：

Điện thoại:

申請人及其負責人（簽章）

Bên đề nghị

(ký tên đóng dấu)